

Bản án số: **31/2017/HS-PT**

Ngày: 09/06/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Hùng Nuôi**.

- *Các Thẩm phán:* 1/- Ông **Thái Rết**.

2/- Bà **Tăng Thị Thúy Nga**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Mỹ Nhiên** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông **Lê Minh Thích** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 22/2017/HSPT, ngày 05/5/2017, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST, ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo có kháng cáo: **Võ Văn T**, sinh năm 1982; Nơi ĐKKH thường trú: Thôn C, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; Nơi tạm trú: Số đường S, khóm X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: Lớp 02/12; Con ông Võ M (chết) và bà Nguyễn Thị X (chết); Có vợ và 01 người con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt và bị tạm giữ từ ngày từ ngày 07/01/2017 cho đến ngày 13/01/2017 thì thay đổi biên pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại bà Trương Thị L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị P, nhưng không có kháng, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân thành phố S và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Văn T là người làm công cho Công ty xây dựng lò bún Lệ C tại đường V, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do bà Trương Thị L làm chủ. Vào trưa ngày 07/01/2017, trong lúc đi làm tại công trình xây dựng lò bún Lệ C, thì T nhìn thấy có 02 cuộn dây điện, nhãn hiệu HWASAN CV50 SQMN 450/750 TCVN6610-3 có lỗi làm bằng đồng, tổng chiều dài là 53,85m đang để trong khuôn viên của công trình lò bún. Sau khi hết giờ làm và rời khỏi công trình,

do cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định vào công trình của bà L để lấy trộm 02 cuộn dây điện trên đem bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P1-789.XX của gia đình đi đến công trình xây dựng lò bún Lê C. Sau khi đậu xe và đi bộ vào bên trong công trình, quan sát thấy không có người trông coi nên T đi đến khu vực để 02 cuộn dây điện mà T đã nhìn thấy trước đó, cuộn lại gọn và mang ra ngoài cách chỗ để khoảng 20m rồi đem xe mô tô vào định chở đi tiêu thụ thì bị anh Lê Hoàng Quốc T là con của bà L và anh Lý Ngọc L phát hiện nên báo công an phường X, thành phố S đến bắt quả tang T cùng vật chứng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL.ĐGTS ngày 10/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố S kết luận: Hai cuộn dây điện hiệu HWASAN CV50 SQMN 450/750 TCVN6610-3, tổng chiều dài 53,85m, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại là 95%, với số tiền là: $53,85m \times 75.000\text{đồng} \times 95\% = 3.836.813\text{đồng}$ (*Ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm mười ba đồng*).

Tại Cáo trạng số 21/QĐ-KSĐT ngày 06/3/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố S đã truy tố bị cáo Võ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án sơ thẩm số 29/2017/HSST, ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S tuyên xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Võ Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ trước từ ngày 07/01/2017 đến ngày 13/01/2017.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 07/4/2017, bị cáo Võ Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và giảm hình phạt, với lý do: Bị cáo đã trả tài sản lại cho bị hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và phải đi làm thuê để nuôi sống gia đình.

* Ngày 07/4/2017, bị hại Trương Thị L có đơn bãi nại yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không kết án tù giam cho bị cáo Võ Văn T, với lý do: Bị cáo hối lỗi và vi phạm lần đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Võ Văn T thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho xin được hưởng án treo và bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng số 21/QĐ-KSĐT ngày 06/3/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố S đã truy tố.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính hợp lệ và tính có căn cứ của kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Bị cáo Võ Văn T thừa nhận: Bị cáo đang làm hồ tại công trình xây dựng lò bún Lệ C do bà Trương Thị L làm chủ, trong lúc làm việc bị cáo nhìn thấy có 02 cuộn dây điện để trong khuôn viên của công trình, nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 19 giờ ngày 07/01/2017, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô biển số 83P1-789.XX đi đến công trình xây dựng lò bún Lệ C, quan sát thấy không có người trông coi nên bị cáo đã lén lút đi vào lấy trộm 02 cuộn dây điện mang ra ngoài rồi đem xe mô tô vào định chở đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

[2] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tài sản thuộc sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm, là khách thể được luật hình sự bảo vệ, người nào có ý thức chiếm đoạt là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị. Mặc dù, bị cáo nhận thức được điều này nhưng muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên bị cáo lén lút thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản của bị hại 02 cuộn dây điện hiệu HWASAN CV50 SQMN 450/750 TCVN6610-3, tổng giá trị là 3.836.813 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên có tội và phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Trong xét xử sơ thẩm, khi lượng hình cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Về hậu quả sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị bắt quả tang nên tài sản bị cáo chiếm đoạt đã kịp thời thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự. Nên cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo và tuyên phạt bị cáo Võ Văn T 06 (sáu) tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Võ Văn T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, bị hại Trương Thị L có đơn bãi nại yêu cầu cấp phúc thẩm không áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo Võ Văn T bị truy tố theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự về tội ít nghiêm trọng và bị xử phạt tù chỉ 06 tháng; Bị cáo chỉ phạm tội nhất thời, trước khi phạm tội bị cáo là người

lao động chân chính, luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có nhân thân tốt và chưa có tiền án tiền sự; Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Đồng thời, bị hại bãi nại và cũng có nguyện vọng yêu cầu cấp phúc thẩm không áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo và đây cũng là tình tiết mới cấp phúc thẩm cần cân nhắc xem xét áp dụng cho bị cáo. Đối với bị cáo Võ Văn T có khả năng tự cải tạo trở thành người tốt có ích cho xã hội nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo gần gũi gia đình tiếp tục lao động sản xuất để tạo ra của cải vật chất cho xã hội và nuôi sống gia đình. Như đã nhận định bị cáo Võ Văn T có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do vậy, theo kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Võ Văn T là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Theo Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa đủ căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Bị cáo Võ Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

[7] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Võ Văn T.

2/- Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST, ngày 04/04/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, như sau:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Võ Văn T 06 (sáu) tháng tù. Nhưng cho bị cáo Võ Văn T được hưởng án treo, với thời gian thử thách là 12 tháng (mười hai tháng) kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Võ Văn T cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để phối hợp với gia đình giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Các phần khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật;

3/- Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND thành phố S (2 bản);
- VKSND thành phố S;
- Công an thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- PKTNNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Phạm Hùng Nuôi